

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Biên

Ông Đào Mạnh Tiến

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên toà:*** Ông Đoàn Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST- HS ngày 25/01/2018 đối với các bị cáo:

Phan Văn L, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số nhà A, tổ dân phố số 1, phường M, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn V, sinh năm 1961 (đã chết) và bà: Phạm Thị N, sinh năm 1967; có vợ: Vũ Thị C, sinh năm 1984 (chưa đăng ký kết hôn) và con: Vũ Gia L, sinh năm 2008.

- Tiền án:

+ Tại bản án số 35/2008/HSST ngày 14/5/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 10 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2008 (chưa chấp hành xong phần thi hành án dân sự).

+ Tại bản án số 09/2017/HSST ngày 20/02/2017, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2016; tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 192.000 đồng; ra trại ngày 15/6/2017.

- Tiền sự: Quyết định số 42/QĐ-VPHC ngày 12/7/2016, Công an phường P, Thành phố B xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Nhân thân: Tại bản án số 123/HSST ngày 29/6/2004, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Thành phố B) xử phạt 18 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị G (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 và con: Nguyễn Văn V, sinh năm 1999; Nguyễn Văn V, sinh năm 2001.

- Tiền án: Tại bản án số 86/2013/HSST ngày 15/11/2013, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 12/08/2013.

- Tiền sự: Không có.

- Nhân thân: Tại quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 15/9/2010, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang về việc đưa đối tượng nghiện ma túy vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại*: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975(vắng mặt).

Địa chỉ: thôn S, xã S, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: số nhà A, đường N, phường N, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H sinh năm 1978 trú tại thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Phan Văn L sinh năm 1987 trú tại số nhà A, tổ dân phố số 1, phường M, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang là bạn quen biết nhau ngoài xã hội. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 19/11/2017, H đi xe đạp mini chở L ngồi sau đi từ xã M, về phòng trọ của L ở tổ dân phố H, phường X, Thành phố B. Khi đi qua cổng nhà chị Hoàng Thị H sinh năm 1975 trú tại thôn Y, xã S thì L nhìn thấy chiếc xe máy điện, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển số 98MĐ1- 062.63 của chị H đang dựng ở sân. Thấy xe có chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, L nảy sinh ý định trộm cắp và nói với H “trước cửa nhà kia có chiếc xe máy điện vẫn cắm chìa khóa, anh đeo em quay lại để em lấy”. Nghe thấy vậy, H đồng ý quay xe lại nhà chị H. Khi đến nơi thì H đứng ngoài cánh giới, L xuống xe đi đến cổng nhà chị H. Sau khi quan sát thấy xung quanh không có người, L mở cổng đi đến chỗ chiếc xe máy điện dắt xe ra ngoài cổng mở khóa điện điều khiển xe về hướng Thành phố B. Khi qua chỗ H đứng đợi, L bảo với H “anh đi sau nhé”. Sau đó, L đi xe máy điện đi trước về nhà chị Tạ Thị H sinh năm 1969, trú tại số nhà X, đường N, phường Trần N, Thành phố B. Tại đây, L đặt vấn đề cầm cố chiếc xe. Chị H viết giấy nhận cầm cố, bảo L ký tên sau đó đưa cho L số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền có được, L và H cùng sử dụng chi tiêu hết.

Ngày 19/11/2017, chị Hoàng Thị H có đơn trình báo Công an Thành phố B. Cùng ngày, Cơ quan điều tra thu giữ dữ liệu từ camera giám sát của gia đình chị Hoàng Thị H có đoạn ghi lại hình ảnh Phan Văn L, Nguyễn Văn H trộm cắp chiếc xe máy điện.

Ngày 20/11/2017, Nguyễn Văn H và Phan Văn L đến Công an Thành phố B đầu thú. Cơ quan điều tra tạm giữ của Phan Văn L 01 chiếc xe đạp mini màu đen, giỏ màu trắng, bảo vệ xích có chữ Việt L.

Ngày 20/11/2017, chị Tạ Thị H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe máy điện, nhãn hiệu ESPERO, số loại 133HI2, biển số 98MĐ1- 062.63, sơn màu đen; 01 chiếc chìa khóa xe; cốp xe có 01 sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng xe mang tên Hoàng Thị H; 01 tờ giấy kê ô ly đề ngày 02/10 âm lịch nội dung vay tiền có chữ ký của Phan Văn L.

Ngày 22/11/2017, Cơ quan điều tra thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả Phan Văn L, Nguyễn Văn H đã thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐG ngày 21/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Thành phố B kết luận: 01 chiếc xe máy điện, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển số 98MĐ1- 062.63, số loại 133HI2, số khung RPEYDDGPEGA90024, số máy RPEYD500W900024, đã qua sử dụng có giá trị là 8.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy điện nêu trên cho chị H. Đến nay chị H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chị Tạ Thị H là người nhận cầm cố chiếc xe máy điện do L mang đến nhưng khi nhận cầm cố chị H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên chị H không vi phạm pháp luật. Đến nay chị H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với 01 chiếc xe đạp mini thu giữ của L, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị can L, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu của bị cáo Phan Văn L chiếc xe đạp mini màu đen, giỏ màu trắng,

bảo vệ tích có chữ Việt L đề sung công quỹ nhà nước.

- Phân trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

- Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 19/11/2017, tại thôn Yên Khê 2, xã Song Khê, Thành phố B, Phan Văn L, Nguyễn Văn H đã cùng nhau có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển số 98MD1- 062.63 có giá trị 8.000.000 đồng của chị Hoàng Thị H sinh năm 1975 trú tại thôn Yên Khê 2, xã Song Khê, Thành phố B.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự về an ninh tại địa phương và dư luận quần chúng nhân dân lên án, vì thế hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật để có tác dụng giáo dục cải tạo riêng các bị cáo, vừa có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Đánh giá về nhân thân, thái độ và mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng người giữ vai trò chính trong vụ án là bị cáo L, bị cáo là người đã chủ động và tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội, nhưng trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người chặt chẽ do vậy đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, bị cáo L đã có 01 tiền sự về hành vi “trộm cắp tài sản”, 01 tiền án về tội “trộm cắp tài sản”, 01 tiền về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, nhân thân năm 2004 bị Tòa án xử phạt 18 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo H có 01 tiền án về tội “tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”, nhân thân tại quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 15/9/2010, Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang về việc đưa đối tượng nghiện ma túy vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương trong thời gian chưa được xóa án tích, các bị cáo không tự nhận thức được đây là bài học của bản thân để tự phấn đấu lao động sống có ích cho gia đình, xã hội mà lại tiếp tục dẫn thân vào con đường phạm tội với lỗi cố ý, chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật khó giáo dục, cải tạo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L mặc dù đã có 02 tiền án nhưng đây là tình tiết để định khung hình phạt, do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải và ra đầu thú trước cơ quan Công an đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[7]. Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra vụ án chị H khai đã nhận lại chiếc xe máy điện, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển số 98MĐ1- 062.63, chị H không yêu cầu gì về bồi thường phần dân sự.

[8]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị H là người nhận cầm cố chiếc xe máy điện nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển số 98MĐ1- 062.63 do L mang đến nhưng khi nhận cầm cố chị H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên chị H không vi phạm pháp luật. Nay chị H không yêu cầu bồi thường dân sự, do vậy không đặt ra giải quyết về phần dân sự trong vụ án này.

[9]. Vật chứng của vụ án là chiếc xe đạp mini màu đen, giỏ màu trắng, bảo vệ xích có chữ Việt L của bị cáo L liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu của bị cáo Phan Văn L chiếc xe đạp mini màu đen, giỏ màu trắng, bảo vệ xích có chữ Việt L để sung công quỹ nhà nước.

Phản trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Văn L, Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Thành phố B;
- Công an Thành phố B;
- Chi cục THADS Thành phố B;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú